Dinh Nghiep trong Phat Giao - 01

Định Nghiệp Trong Phật Giáo

Dinh Nghiep trong Phat Giao - 01

Vietnamese, with Unicode Times font

ĐỊNH NGHIỆP TRONG PHẬT GIÁO

HÒA THƯỢNG THÍCH THIỆN SIÊU

PL. 2544 - TL. 2000

[01]

NGUYÊN LÝ DUYÊN KHỞI

TRONG GIÁO PHÁP ĐỨC PHẬT

-ooOoo-

H ễ nói đến Giáo pháp của đức Phật, chúng ta không thể không nói đến pháp Duyên khởi hay nguyên lý Duyên khởi (Pratìtyasamutpàsa). Vì pháp Duyên khởi là nguyên lý cơ bản và thiết yếu của sự giác ngộ.

Đức Phật thành Phật là do Ngài chiêm nghiệm hai mặt lưu chuyển và hoàn diệt của nguyên lý 12 Duyên khởi mà thành tựu.

Trong kinh A-hàm đức Phật nói: "Thế nào là nguyên lý Duyên khởi? Nghĩa là do duyên với Vô minh mà Hành khởi sinh, dù Phật có ra đời hay không ra đời, nguyên lý ấy vẫn thường trú, vẫn an trú trong pháp giới. Như Lai tự mình chiêm nghiệm nguyên lý ấy để giác tri, để thành tựu Vô thượng Bồ-đề, rồi tuyên thuyết, rồi khai thị, rồi hiển phát cho mọi người". (Tạp A-hàm, q.12 tr. 84b ĐTK2).

Do giác ngộ nguyên lý Duyên khởi, đức Phật hiển nhiên trở thành Phật. Nên khi dạy dỗ, giáo hóa chúng sanh, đức Phật đã khai thị nguyên lý này qua nhiều dạng thức, qua nhiều cấp độ và qua nhiều phương tiện sâu cạn khác nhau.

Kinh Pháp Hoa nói: "Chư Phật là đấng tôn kính, đầy đủ trí tuệ và từ bi, biết tất cả pháp luôn luôn là không có tự tánh. Phật chủng cũng chỉ từ duyên mà khởi. Vì vậy mà tuyên bố Nhất thừa. Sự an trú, sự định vị của tất cả pháp là vốn như thế. Nó vốn là hình thái thường trú của thế gian, từ đạo tràng biết một cách chân xác như thế rồi, đấng Đạo sư mới tùy phương tiện mà tuyên nói". (Kinh Pháp Hoa tr. 9b ĐTK9).

Giác ngộ một cách chân xác về nguyên lý Duyên khởi là giác ngộ rằng, tất cả các pháp không bao giờ sinh khởi cô độc, mà nó sinh khởi trong nguyên tắc tất yếu: "Nếu cái này hiện hữu, thì cái kia hiện hữu; nếu cái này không hiện hữu, thì cái kia không hiện hữu. Nếu cái này sinh khởi, thì cái kia sinh khởi. Nếu cái này không sinh khởi, thì cái kia không sinh khởi".

Toàn bộ Giáo pháp của đức Phật thuyết giảng chỉ trụ vào điểm này. Và cũng chính ở điểm này làm nguyên lý phổ biến chung cho sự sinh khởi của tất cả khí thế gian và tình thế gian.

Khí thế gian là mọi sự kiện hiện hữu và tồn tại hoàn toàn về vật lý. Tình thế gian là mọi sự kiện hiện hữu và tồn tại gồm đủ cả tâm lý và vật lý, cũng có khi tồn tại thuần về tâm lý.

Tính Duyên khởi đối với tình thế gian, hay nói gọn lại nơi con người là Mười hai Duyên khởi, gồm có Vô minh duyên Hành, Hành duyên Thức, Thức duyên Danh sắc, Danh sắc duyên Sáu xứ, Sáu xứ duyên Xúc, Xúc duyên Thọ, Thọ duyên Ái, Ái duyên Thủ, Thủ duyên Hữu, Hữu duyên Sanh, Sanh duyên Lão tử.

Mười hai Duyên khởi này làm nhân làm duyên cho nhau, sinh khởi liên tục trong vòng nhân quả, khiến con người bị đắm chìm trong sinh tử luân hồi. Và nhân quả của 12 Duyên khởi này cứ tiếp tục sinh khởi khắp cả ba thời gian tạo thành cả một dòng sông vô tận.

Chẳng hạn, Vô minh và Hành là nhân của quá khứ. Thức, Danh sắc, Lục nhập, Xúc, Thọ, Ái, Thủ, Hữu là nhân của hiện tại; Sanh, Lão tử là quả của vị lai.

Nhân quả ba đời trong 12 Duyên khởi, cứ cái này làm duyên cho cái kia, cái kia làm nhân cho cái này, cứ như thế sinh khởi cho đến vô cùng vô tận.

Trong 12 Duyên khởi này, mỗi yếu tố có thể là nhân, có thể là duyên, và không có yếu tố nào là nhân hoàn toàn hay duyên hoàn toàn.

Chính 12 yếu tố Duyên khởi này đã làm nhân làm duyên cho nhau, để sinh khởi và chi phối toàn bộ sinh mệnh, cũng như đời sống của con người.

Khi nào con người hiểu được 12 yếu tố Duyên khởi này và quán chiếu thường trực về chúng, thì khi ấy, tùy theo mức độ sâu cạn của quán chiếu mà tầm cỡ giác ngộ được khẳng định.

Kinh Đại Bát Niết-bàn nói:

"Có bốn hạng giác ngộ về nguyên lý Duyên khởi: Bậc hạ trí quán chiếu mà không thấy được Phật tính, và do vì không thấy được Phật tính, nên chỉ thành tựu được đạo quả Thanh văn mà thôi.

Bậc trung trí quán chiếu mà không thấy Phật tính, và do vì không thấy nên chỉ thành tựu được Duyên giác mà thôi.

Bậc thượng trí quán chiếu thật tính có sự thấy hiểu, nhưng không thấu triệt, và do vì thấy hiểu nhưng không thấu triệt, nên chỉ an trú vào địa vị Thập trú của Bồ-tát mà thôi.

Bậc thượng trí, quán chiếu thật tính, do vì thấy rõ và quán triệt, nên chứng đắc đạo quả Vô-thượng" (Đại Bát Niết-bàn kinh - Vol 27, tr. 524b. ĐTK 12).

Nguyên lý Duyên khởi là một thực tại tính (Tathata) là chơn như tính hay còn gọi là Phật tính (Buddhata). Phật tính của giác ngộ. Phật do giác ngộ 12 Duyên khởi mà thành

Phật. Vậy, 12 Duyên khởi là tính ngộ của Phật.

Bất cứ ở đâu và bất cứ lúc nào, con người giác ngộ được tính ấy, thì lúc đó và ngay đó, con người có thể tự trả lời được câu hỏi, ta là ai? do đâu mà có? và tại sao ta bị khổ đau. Cũng chính lúc đó, ngay đó, con người có thể tự giải cứu những khổ đau đang triền buộc lấy chính mình.

Tùy thuận theo 12 Duyên khởi, đây là điều kiện ắt có và đủ, để con người luân lưu trong sanh tử luân hồi (Samsàra). Hoàn diệt và đình chỉ 12 Duyên khởi, đây cũng là điều kiện ắt có và đủ, để con người dứt bỏ khổ đau, đi đến Niết-bàn (Nirvana).

Điều kiện ắt có và đủ hay còn gọi là mệnh đề điều kiện (clause condition) của "nếu và thì"; "thì" luôn luôn phản ảnh rất trung thực đối với "nếu". "Nếu" tác nhân như thế này, "thì" hậu quả sẽ xảy ra như thế này; "nếu" tác nhân như thế kia, "thì" hậu quả sẽ xảy ra như thế kia...

Nhân (heru) và quả (phala) gắn liền và sinh khởi là do duyên (pràtitya). Nếu thiếu duyên nhân không thể nào phát sinh ra quả được.

Trong quá trình sinh diệt để biến thái từ nhân đến quả và biến thái từ quả trở thành nhân, thì duyên đã đóng vai trò khá tích cực trong sự quan hệ này.

Duyên, tiếng Phạn gọi là Pratitya và chữ Pratitya đã được Ngài Long Thọ (Nàgàrjuna) giải thích ở trong Màdhyamika như sau: "Utpadyate pratìtyèmàn itìme pratyayah kìla" (Màdhyamika pratyaya parìksa gàtha V). Nghĩa là, do làm điều kiện cho cái kia sinh khởi, nhưng cái này người ta gọi nó là những duyên.

Duyên hay là pratitya ở trong văn học Abhidharma, các luận sư Phật giáo đã phân chia thành nhiều loại, nhưng sự phân chia có tính thống nhất, giữa các luận sư, thì duyên (pratitya) gồm có 4 loại như sau:

a. Nhân duyên (Pratyàyàhetu): Tất cả các pháp sinh khởi và tồn tại đều do quan hệ giữa nhân và duyên. Nhân (hetu) là năng lực động chính; duyên (pratitya) là điều kiện hỗ tương phụ, để cho năng lực tác động ấy được sinh khởi và hình thành.

b. Đẳng vô gián duyên (Anantara pratitya): Đẳng vô gián duyên hay còn gọi là Thứ đệ duyên. Nghĩa là tất cả các pháp làm nhân làm duyên cho nhau một cách liên tục, không bị gián cách.

Hay nói khác đi, pháp trước làm nhân cho pháp sau, pháp sau làm nhân cho pháp trước, các pháp cứ tuần tự làm nhân làm duyên cho nhau, mà sanh khởi liên tục, nếu bị cách trở gián đoạn tức là thiếu cái duyên này, pháp không sanh ra được.

c. Sở duyên duyên (Alambana pratìtya): Sở duyên tiếng Phạn gọi là Alambana; Alambana đi từ động từ gốc Lam, có nghĩa là leo, vin vào, dựa vào, nương vào, vướng vào... Như vậy, Alambana là đối tượng để cho cái khác vin vào, dựa vào...

Alambana hay Sở duyên có thể là thế giới khách quan, pratìtya hay duyên có thể là thế giới nội tại, thế giới khách quan là đối tượng (sở duyên) để cho thế giới nội tại khởi sinh sự nhận thức.

Bất cứ cái gì hàm đủ cả chủ thể năng phân biệt (pratìtya) lẫn đối tượng được phân biệt (alambana), thì cái ấy gọi là Sở duyên duyên (alambana pratìtya).

Hay nói theo trường phái Duy thức (Vijnàptimàtrata Siddhi), cái nào có khả năng dẫn sinh sự nhận thức và sự nhận thức ấy, mang ảnh tượng tương tợ với chúng, thì cái ấy gọi là Sở duyên duyên.

d. Tăng thượng duyên (Adhipateyam pratìtya): Tăng thượng duyên gồm có thuận duyên và nghịch duyên.

- Thuận duyên: là duyên thuận chiều để cho các pháp sinh khởi một cách nhanh chóng từ nhân đến quả.

- Nghịch duyên: là duyên đối kháng làm trở ngại sự sinh trưởng của nhân.

Tất cả pháp có thể sinh khởi, tồn tại hay hủy diệt, đều lệ thuộc vào bốn duyên này.

Trong bốn duyên, thì Đẳng vô gián duyên, Sở duyên duyên, Tăng thượng duyên là biệt tướng, còn Nhân duyên là tổng tướng. Nên khi chúng ta nói nhân duyên, thì có thể hàm đủ cả ba duyên kia.

Tất cả pháp là duyên khởi, thì nhất định không có tự tính (asvabhava), do không có tự tính nên chúng mới sinh động vô thường (anitya). Vô thường là tính thường trực của các pháp Duyên khởi, tính thường trực của các pháp Duyên khởi là tính không có tự tính, do tính không có tự tính nên các pháp luôn luôn sinh thành và luôn luôn hủy diệt.

Bởi vậy, 12 Duyên khởi nó cũng không có tự tính cho chính nó, nên nó có thể trở thành bất cứ tính nào. Nếu duyên xấu, nó có thể trở thành tính xấu; nếu duyên tốt, nó có thể trở thành tính tốt.

Do đó, trong 12 Duyên khởi, chúng ta có thể thay thế Vô minh bằng chánh kiến, Thức bằng chánh trí, Hành bằng chánh nghiệp v.v... để đi đến đời sống cao thượng.

Sở dĩ chúng ta có thể thay thế được như vậy, vì tự thân của chúng ta là duyên khởi.

Đứng ở mặt nhận thức chung mà nói, nếu chúng ta chiêm nghiệm về nguyên lý Duyên khởi, thì chúng ta có thể thấy được toàn bộ cơ hợp của vũ trụ và chúng ta có thể chuyển đổi vũ trụ tùy theo ý chí cá nhân và ý chí cộng đồng.

Đứng ở mặt nhân sinh mà nói, nếu chúng ta chiêm nghiệm nguyên lý 12 Duyên khởi, chúng ta có thể thấy được chính chúng ta, và chúng ta có thể sửa soạn cho chúng ta một cách sống hợp lý.

Và đứng vào lập trường giác ngộ mà nói, nếu chúng ta quán sát về nguyên lý Duyên khởi, chúng ta có thể thấy được Phật, vì chúng là phẩm tính giác ngộ của Phật, chúng ta có thể thấy được pháp thân của Phật, vì Phật lấy pháp làm bản thân và bản thân của pháp là duyên khởi.

Chúng ta quán sát lý Duyên khởi, chúng ta có thể thấy được thực trạng đau khổ của cuộc đời và nguyên nhân phát sinh những đau khổ ấy, có thể nhìn thấy con đường đi đến Niết-bàn và cảm nhận sự tịch tịnh của Niết-bàn.

Ngài Long Thọ (Nàgàrjuna) ở trong Trung quán luận, đã mượn một thành ngữ nổi tiếng của Trung A-hàm để nói lên ý nghĩa này:

"Thị cố kinh trung thuyết,

Nhược kiến nhân duyên pháp,

Tốc vi năng kiến Phật,

Kiến khổ, tập, diệt, đạo".

(Trung Quán Luận, tr. 334c. ĐTK 30)

Tạm dịch:

"Vì thế trong kinh nói,

Nếu thấy pháp Duyên khởi,

Có thể là thấy Phật,

Thấy khổ, tập, diệt, đạo".

Đức Phật đã thấy pháp Duyên khởi bằng hai cách quán chiếu. Đó là cách quán chiếu lưu chuyển và cách quán chiếu hoàn diệt.

Cách quán chiếu lưu chuyển là cách quán chiếu mà đức Phật đã giác ngộ nó theo chiều thuận - nghĩa là cái này sinh nên cái kia sinh - vì Vô minh sinh khởi nên Hành sinh khởi...

Cách quán chiếu hoàn diệt là cách quán chiếu mà đức Phật đã giác ngộ duyên khởi theo cách đình chỉ và diệt tận. Nghĩa là do cái này diệt nên cái kia diệt. Vì do Vô minh diệt nên Hành cũng diệt...

Do giác ngộ duyên khởi đủ cả hai mặt lưu chuyển và hoàn diệt mà đức Phật thành Phật.

Bất cứ ai, thấy được pháp Duyên khởi cả hai mặt, người đó có thể thấy Phật, có thể thấy được pháp thân của Phật và ngay trong Duyên khởi có thể thấy được khổ, tập, diệt, đạo.

Chẳng hạn, quán chiếu 12 Duyên khởi theo lưu chuyển, đó là cách quán chiếu về khổ và tập, cách quán chiếu Duyên khởi theo hoàn diệt, đó là quán chiếu về diệt và đạo.

Hay nói theo ngài Uất-lăng-ca, thấy Vô minh, Hành, Ái, Thủ, Hữu là thấy Tập đế; thấy Thức, Danh sắc, Lục nhập, Thọ, Sanh, Lão tử là thấy Khổ đế; hủy diệt 12 chi phần của Duyên khởi ấy, là Diệt đế; hiểu biết tính chất như thật của 12 Duyên khởi ấy, là Đạo đế (Duyên sanh luận tr. 468a ĐTK 32).

Như vậy, chúng ta có thể nói, chủ yếu của giáo pháp đức Phật chính là pháp Duyên khởi và pháp Tứ đế cũng chỉ được trình bày qua những giác khác, dễ hiểu hơn của pháp Duyên khởi mà thôi.

Đối với tất cả loài hữu tình, tính Duyên khởi là Phật tính (Buddhata), đối với tất cả loài vô tình, tính Duyên khởi là Pháp tính (Dharmata).

Phật tính hay Pháp tính đối với tình (sattva) hay phi tình (asattva) đều là tính thường trú, tính quyết định và tính y tha.

a. Tính thường trú: Nguyên lý Duyên khởi là nguyên lý có tính thường trú - Nghĩa là tất cả pháp trong quá khứ cũng do duyên mà khởi, hiện tại cũng do duyên mà khởi, nơi này cũng do duyên mà khởi, nơi kia cũng do duyên mà khởi. Bất cứ ở đâu và bất cứ lúc nào, pháp vốn là như thế, pháp vốn là duyên khởi, nên tính duyên khởi là tính thường trú của tất cả pháp.

Lại nữa, tính ấy, nếu đứng ở mặt thuần giác ngộ mà nói, thì chư Phật trong quá khứ, như đức Phật Tỳ-bà-thi (Nipasì), Phật Thi-khí (Sikhì), Phật Tỳ-xá-phù (Vessàbhù), Phật Câu-lưu-tôn (Kakusandha), Phật Câu-na-hàm (Konàgamana), Phật Ca-diếp (Kassapa), tất cả chư Phật đều do quan sát chiêm nghiệm về lý Duyên khởi mà thành tựu Vô thượng Bồ-đề (Anuttara Samyaksambodhi).

Ngay trong hiện tại, đức Phật Thích-ca Mâu-ni (Sakyamuni) cũng do quán sát, chiêm nghiệm lý Duyên khởi mà thành Phật. Và vị lai chư Phật cũng sẽ như thế, thì không thể không quán sát nguyên lý Duyên khởi. Vì thế nguyên lý Duyên khởi ở quá khứ nó đã xảy ra và hiện hữu như thế. Vị lai nó sẽ xảy ra và nó sẽ hiện hữu như thế ở nơi này, hoặc nơi kia; nó đã, đang và sẽ xảy ra; và nó cũng đã, đang và sẽ hiện hữu như thế.

Vì do bất cứ ở đâu và bất cứ lúc nào, chính Duyên khởi cũng xảy ra như vậy cả, nên gọi chúng là pháp có tính thường trú, siêu việt và bất tư nghị.

b. Tính chất quyết định: Pháp Duyên khởi hay nguyên lý Duyên khởi, là nguyên lý có tính cách quyết định sự hiện hữu và không hiện hữu của tất cả pháp hay của tất cả sự vật. Nếu đủ duyên thì các pháp sinh khởi; không đủ duyên thì các pháp tán loạn.

Nói cách khác, nếu không có duyên, thì không có một pháp nào tự thân nó duyên khởi được.

Bởi vậy, Kinh nói: "Tất cả pháp tự nhân duyên sinh khởi, nếu không có nhân duyên thì không có sự sinh khởi của tất cả pháp". (Quán Thế AÂm Bồ-tát thọ ký kinh. Tr. 353c, ĐTK 12).

Do đó, nguyên lý Duyên khởi có tính cách quyết định sự tồn tại hay không tồn tại của tất cả pháp hay của tất cả sự vật.

c. Tính y tha: Pháp Duyên là pháp có tính nương tựa lẫn nhau để sinh khởi. Do tính này, nên các pháp không bao giờ có sự tồn tại độc lập nếu có chăng là có ở cách nói, chứ không bao giờ thực sự có ở bản chất.

Vì tự bản chất của chúng là hỗ tương, là nương tựa, là tác động qua lại lẫn nhau để sinh thành và hủy diệt. Nên một sự hủy có thể kéo theo muôn ngàn sự hủy; một sự sinh có thể kéo theo muôn ngàn sự sinh. Và nếu chúng ta biết lắng nghe, thì chỉ cần một cánh bướm vỗ nhẹ, cũng nghe chao động cả ba ngàn đại thiên thế giới. Và nếu chúng ta biết ngắm nhìn, thì chỉ cần nhìn thẳng vào một hạt cát, cũng đủ để thấy rõ bản chất của thế giới mười phương.

Nói tắt, tính của các pháp là tính luôn luôn nương tựa, luôn luôn tác động lẫn nhau để sinh khởi. Vì vậy, tính y tha là tính của pháp.

Ba tính vừa nêu, có thể nói đó là ba tính hệ trọng của pháp Duyên khởi hay nguyên lý Duyên khởi.

Pháp Duyên khởi có thể nói là giáo pháp chủ yếu của Phật giáo, vì pháp ấy bao hàm đủ cả các pháp ấn vô thường (anitiya), khổ (dukkha), không (sùnya), vô ngã (àntama).

Các pháp ấy, không có trường phái nào trong Phật giáo, không xem chúng là giáo lý có tính cách ngăn để.

Đành rằng, các pháp ấy, được các trường phái Phật giáo xem chúng là giáo lý có tính cách ngăn để, nhưng tại sao Duyên khởi lại là giáo lý nội hàm các pháp ấn ấy? Giáo lý Duyên khởi nội hàm các pháp ấy, vì tất cả pháp là duyên khởi, cái gì do duyên khởi, thì cái ấy là vô thường, cái gì vô thường, thì cái ấy phải có thành, trụ, hoại, không. Nếu chấp chặt và cảm thọ vào những thành, trụ, hoại, không ấy, thì nhất định phải khổ đau.

Tất cả pháp là duyên khởi nên không có tự tính, vì không có tự tính cho nên vô ngã, do vô ngã nên không có thần ngã nào gọi là bất biến và vĩnh cữu. Do không có một thần ngã nào gọi là bất biến và vĩnh cửu, nên con người có thể tu tập, có thể cải tạo, có thể chuyển đổi từ ngu dốt đến trí tuệ, từ khổ đau đến hạnh phúc, từ ác sang thiện, từ ích kỷ đến vị tha, từ phàm tục đến thánh giả.

Dựa vào chừng ấy lý do, cũng đủ để cho chúng ta có thể kết luận rằng: nguyên lý Duyên khởi là giáo pháp chủ yếu của đạo Phật . Chúng ta thường trực quán chiếu và thường trực thấu triệt nguyên lý ấy, thì nhất định chúng ta sẽ là Phật như chư Phật đã làm.

-ooOoo-

Đầu trang | 01
| 02 | 03
| 04 | 05
| 06 | 07
| 08 | 09
| 10 | 11
| 12 | 13
| 14 | 15
| Mục lục
[Trở về trang Thư Mục]

updated: 19-08-2001

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.